

Bản án số: 35 /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 07/02/2023

V/v TrAh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH HẬU GIAG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Kim Bằng

2. Bà Phạm Kim Ngọc

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lý Sơn ThAh Phong là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu GiAg.

Ngày 07 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 220/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về trAh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thúy A, sinh năm 1986.

Địa chỉ: khu vực 3, phường IV, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn: Ah Nguyễn Văn S, sinh năm 1982.

Địa chỉ: khu vực 3, phường IV, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn chị A có mặt, bị đơn Ah S vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thúy A trình bày: Chị và Anh Nguyễn Văn S đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang vào năm 2008. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nH về sau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không thể hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cự cãi. Nay tình cảm vợ chồng

không thể hàn gắn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

Về con chung: có 01 con chung, tên Nguyễn Chấn H (giới tính: Nam) sinh ngày 14/3/2009. Khi ly hôn, con có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, con có nguyện vọng muốn sống chung với chị thì chị đồng ý nuôi dưỡng và yêu cầu Ah S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng số tiền 3.000.000đồng/ tháng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là thửa đất số 07, tờ bản đồ số 20, diện tích 85,6m², tại khu vực 3, phường IV, thành phố V tỉnh Hậu Giang; thửa đất số 1221, tờ bản đồ số 04, diện tích 5.666,9m², tại ấp 3, xã Thuận Hòa, huyện L, tỉnh Hậu Giang và tiền mặt số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng). Khi ly hôn, tài sản chung vợ chồng sẽ tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- *Bị đơn Anh Nguyễn Văn S trình bày:* Anh và chị Nguyễn Thúy A có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật như chị A trình bày. Trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, như chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong gia đình, nay chị A yêu cầu xin ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn. Vì mâu thuẫn chưa đến mức gây gắt, vợ chồng có thể hàn gắn được với nhau; đồng thời, gia đình cha mẹ hai bên đều yêu thương vợ chồng và hiện nay con chung còn nhỏ nếu ly hôn sẽ ảnh hưởng đến tâm lý của con sau này. Nay anh yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết hàn gắn tình cảm vợ chồng của anh và chị A, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung, tên Nguyễn Chấn H (giới tính: Nam) sinh năm 14/3/2009. Nếu phải ly hôn, thì Ah đồng ý giao con cho chị A nuôi dưỡng và anh đồng ý cấp dưỡng nuôi số tiền 3.000.000đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng có khối tài sản chung như chị A trình bày nêu trên. Khi ly hôn, tài sản chung vợ chồng sẽ tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

- **Ý kiến của con chung** Nguyễn Chấn H: Cháu có nguyện vọng muốn sống với mẹ, sau khi cha mẹ ly hôn.

- **Tại phiên tòa sơ thẩm:** Nguyên đơn chị A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, kiên quyết xin ly hôn. Bị đơn Ah S có đơn xin xét xử vắng mặt, không có ý kiến trình bày tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thúy A khởi kiện anh Nguyễn Văn S có địa chỉ cư trú tại khu vực 3, phường IV, thành phố V, tỉnh Hậu Giang; chị A yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh S ly hôn, nuôi con nên Tòa án xác định quan hệ

pháp luật tranh chấp là “ly hôn, nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh S có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo **Điều 228** của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thúy A kết hợp pháp với Ah Nguyễn Văn S vào năm 2008. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Về nguyên nhân mâu thuẫn, chị A cho rằng do bất đồng quaA điểm sống, không thể hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cự cãi; còn Ah S cho rằng, chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong gia đình, anh còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, đã tiến hành hòa giải nhằm động viên để hàn gắn tình cảm vợ chồng của chị A và anh S nhưng không thành và chị A kiên quyết ly hôn. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân của chị A và anh S không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn hạnh phúc, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị A ly hôn anh S là có căn cứ và đúng quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Chấn H (giới tính: Nam) sinh ngày 14/3/2009. Hiện nay, con chung có nguyện vọng được sống với mẹ và chị A, Ah S thống nhất để con chung cho chị A nuôi dưỡng, anh S cấp dưỡng nuôi con hàng tháng số tiền 3.000.000đồng/ tháng đến khi con đủ 18 tuổi, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh S không ai được quyền cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: **Vợ chồng sẽ tự thỏa thuận**, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị A.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị A phải chịu 300.000đồng, được chuyển 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số **0001680** ngày 18/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V thành án phí, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Án phí cấp dưỡng: Ah S phải chịu 150.000 đồng, theo khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản **1 Điều 228**, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và DAh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thúy A.

1. Về quA hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thúy A ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Chấn H (giới tính: Nam) sinh ngày 14/3/2009 cho chị Nguyễn Thúy A trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Nguyễn Văn S không ai được quyền cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: **Anh Nguyễn Văn S** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Chấn H (giới tính: Nam) sinh ngày 14/3/2009 hàng tháng số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) đến khi con đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thúy A phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được chuyển 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số **0001680** ngày 18/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V thành án phí.

Án phí cấp dưỡng: Anh Nguyễn Văn S phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V tỉnh Hậu Giang.

6. Nguyên đơn chị Nguyễn Thúy A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Nguyễn Văn S vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Tp V;
- Cơ quA THADS Tp V
- UBND phường I, Tp V
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Trần Thị Phương

